

**PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH**

Số: 329 /CT-MNBM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Triều, ngày 24 tháng 8 năm 2024

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024-2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG:

Căn cứ luật giáo dục 2019.

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Căn cứ quyết định số: 2324/QĐ - UBND, ngày 9 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, quyết định về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ hướng dẫn số: 1607/ HD – PGD&ĐT, ngày 13 tháng 9 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2024-2025.

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và xã Bình Khê, trường mầm non Bình Minh thực hiện xây dựng Kế hoạch phát triển chương trình nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1.1. Thời cơ

- Sau đại hội Đảng các cấp lần thứ XIII, tỉnh Quảng Ninh chú trọng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện tích cực Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Đông Triều lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết số 100-NQ/TU ngày 29/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã về phê duyệt đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Phòng Giáo dục đào tạo thị xã Đông Triều lại tiếp tục rà soát các trường có điều kiện tiến xa hơn lộ trình trường đạt chuẩn Quốc Gia và trong đó có trường Mầm non Bình Minh.

Trường Mầm non Bình Minh được thành lập tháng 2 năm 2009. Qua quá trình xây dựng và phát triển đã từng bước vươn lên tự khẳng định

vị thế của mình trong ngành giáo dục và đào tạo thị xã Đông Triều; tỉnh Quảng Ninh. Trở thành một địa chỉ tin cậy, thân thương của phụ huynh học sinh và cũng chứa đựng niềm tin tự hào của đội ngũ cán bộ giáo viên - nhân viên nhà trường.

Trường Mầm non Bình Minh là một trong những trường miền núi của thị xã Đông Triều. Được tách từ Trường Mầm non Bình Khê. Trường nằm trên trục đường bê tông giáp với xã Tràng Lương. Có 5% là dân tộc thiểu số nằm rải rác trên 5 thôn, có điểm cách xa trung tâm 3 - 4 km. Sau khi tách trường được sự quan tâm của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh, UBND; PGD&ĐT Thị xã Đông Triều, Đảng uỷ, UBND xã Bình Khê đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho dạy và học do vậy chất lượng nuôi, dạy không ngừng được nâng lên.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

1.2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường MN cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn xã nói riêng và thị xã Đông Triều nói chung

- Tiềm năng kinh tế của địa phương xã Bình Khê là vùng núi, chủ yếu là làm rừng và nông nghiệp. Những năm gần đây, do tình hình dịch bệnh, bão lũ, thiên tai liên tục đã làm giảm chất lượng kinh tế, ảnh hưởng đến mức thu nhập người dân trong vùng.

- Trình độ dân trí tại địa phương không đồng đều chưa quan tâm nhiều đến giáo dục nên việc đầu tư, quan tâm, chăm lo cho việc học của con em, nhất là lứa tuổi mầm non là chưa được sát sao.

- Công tác xã hội hoá giáo dục chưa được phụ huynh hưởng ứng cao.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

* Điểm mạnh:

Sau khi thành lập, nhà trường đã đi vào hoạt động ổn định, quy mô ngày càng phát triển năm sau cao hơn năm trước, đội ngũ cán bộ giáo viên - nhân viên tăng cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất được sửa chữa và xây mới ngày càng hoàn thiện, khang trang. Nhà trường thực hiện tốt phong trào " Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm", tập thể hội đồng sư phạm luôn có ý thức đổi mới phương pháp quản lý, dạy học với tiêu chí " Lấy trẻ làm trung tâm ".

Năm 2015 trường mầm non Bình Minh được công nhận là trường MN đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 1. Đến năm 2019 nhà trường vinh dự được công nhận trường MN đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 2 và chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3.

Tập thể nhà trường nhiều năm liền đạt tập thể lao động tiên tiến xuất sắc, Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh.

- Thành tích đã đạt được trong năm học 2023-2024 của nhà trường:

+ Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023- 2024 và được UBND tỉnh tặng Bằng Khen.

+ 100% CB-GV-NV đạt danh hiệu LĐTT.

+ 01 đ/c được nhận Giấy khen của Sở GD

+ 05 đ/c đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

+ 05 đ/c được nhận Giấy khen của UBND thị xã

- Đội ngũ: Toàn trường có 30 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong đó:

+ CBQL: 03 người (Trình độ ĐHSP: 03). BGH luôn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên: Nhà trường có 25 giáo viên đều có trình độ chuyên môn chuẩn và trên chuẩn (Trong đó 22 đ/c ĐHSP, 03 đ/c CĐSP). Đa số giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; yêu nghề, yêu trẻ, năng động, không ngại đổi mới và học tập ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.

- Môi trường giáo dục và các điều kiện về cơ sở vật chất

+ Môi trường cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học, phòng học được trang bị đảm bảo số lượng, chất lượng, có các yếu tố an toàn cao, phục vụ đúng mục đích giáo dục từng độ tuổi. Nhà trường có 12 phòng học kiên cố, hiện đại, trang bị đầy đủ các đồ chơi theo thông tư số 02 của Bộ GD, 06 lớp được trang bị thiết bị thông minh, giúp phát huy tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường còn có phòng thư viện, phòng nghệ thuật, phòng đa chức năng, sân khấu để thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và giúp trẻ phát triển các năng khiếu.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng đồ chơi, trang trí lớp theo chủ đề phải sáng tạo, linh hoạt và thiết thực, hiệu quả theo hướng Lấy trẻ làm trung tâm bằng việc tận dụng tối đa các nguyên vật liệu thiên nhiên và cho trẻ hoạt động hiệu quả qua việc tương tác tối đa của các giác quan để tìm ra tính chất, nội dung bài học.

+ Cây xanh, cây hoa xung quanh khuôn viên trường được phủ kín và chăm sóc thường xuyên tạo không gian thẩm mỹ, xanh sạch đẹp.

*** Điểm yếu:**

- Trường có 03 điểm trường nên khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức các hoạt động chung: ngày hội ngày lễ, Hội thi...; đặc biệt khó khăn trong quản lý cơ sở vật chất.

- Điểm trường trung tâm còn thiếu 2 phòng học, 2 phòng chức năng. Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng, đầu tư đã lâu nên nhiều hạng mục đã xuống cấp. Danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi chưa được bổ sung kịp thời theo quy định.

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi.

Tầm nhìn

Trường Mầm non Bình Minh sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện đạt tiêu chuẩn Quốc gia.

Sứ mệnh

Trường Mầm non Bình Minh tạo dựng môi trường học tập vui chơi, an toàn lành mạnh, thân thiện, tôn trọng trẻ, xây dựng cho trẻ một tâm hồn đẹp với những phẩm chất tốt, bồi đắp những kiến thức phong phú thông qua các hoạt động trải nghiệm, dựa trên quan điểm coi trọng sự đa dạng về trí tuệ của trẻ, hướng tới xây dựng trường mầm non hạnh phúc

Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Tình đoàn kết, tinh thần trách nhiệm trong công việc, tình thương, lòng nhân ái, sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

“Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và việc học tập suốt đời.

2. Xác định mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục¹

a) Chương trình giáo dục nhà trẻ: Mục tiêu được trình bày theo 4 lĩnh vực phát triển: Thể chất; Nhận thức; Ngôn ngữ; Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ²

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

<I> PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

<II> PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

¹ Trên cơ sở mục tiêu chung của chương trình nhà trường đã được xác định, can xác định mục tiêu giáo dục trẻ cuối độ tuổi, kết quả mong đợi theo từng độ tuổi trong chương trình và sự phát triển của trẻ từng độ tuổi trong thực tế.

² Mục A, Phần hai của Chương trình GDMN

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

<III> PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

<IV> PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....[4]
- *Có một số hiểu biết ban đầu về đa văn hóa vùng miền, dân tộc.*

b) Chương trình giáo dục mẫu giáo: Mục tiêu được trình bày theo 5 lĩnh vực phát triển: Thể chất; Nhận thức; Ngôn ngữ; Tình cảm, kỹ năng xã hội; Thẩm mỹ³

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

<I> PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

³ Mục A, Phần ba của Chương trình GDMN

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

<II> PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- Có khả năng sử dụng 1 số thao tác đơn giản trên máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động và làm theo yêu cầu của cô.

- Có một số hiểu biết về đa văn hóa vùng miền, dân tộc

<III> PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Có khả năng Tiếp cận và làm quen với tiếng anh qua từ ngữ, câu giao tiếp đơn giản hình ảnh quen thuộc gần gũi

<IV> PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

<V> PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp[36].
- *Tiếp cận nghệ thuật đa văn hóa vùng miền, dân tộc.*

3. Kế hoạch thực hiện⁴

a) Phân phối thời gian

Ngày bắt đầu học kỳ 1	Ngày kết thúc học kỳ 1	Ngày bắt đầu học kỳ 2	Ngày kết thúc học kỳ 2	Kết thúc năm học
05/09/2024	10/01/2025	13/01/2025	23/5/2025	30/5/2025

b) Chế độ sinh hoạt

- Nhà trẻ:

Trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút (Từ 6h45 – 8h00)	Đón trẻ
110 - 120 phút (Từ 8h00 – 10h00)	Chơi - Tập
50 - 60 phút (Từ 10h00 – 11h00)	Ăn chính
140 - 150 phút (Từ 11h00 – 14h00)	Ngủ
20 - 30 phút (Từ 14h00 – 14h20)	Ăn phụ
50 - 60 phút (Từ 14h20 – 15h00)	Chơi - Tập
50 - 60 phút (Từ 15h00 -16h00)	Ăn chính

⁴ Mục B của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

50 - 60 phút (Từ 16h00 -17h00)	Chơi/Trả trẻ
---------------------------------	--------------

Chế độ sinh hoạt cho trẻ Mẫu giáo:

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút (Từ 6h45 – 8h00)	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút (Từ 8h00 – 8h40)	Học
40 - 50 phút (Từ 8h40 – 9h20)	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút (Từ 9h20 – 10h00)	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút (Từ 10h00 – 11h10)	Ăn bữa chính
140 - 150 phút (Từ 11h10 – 14h00)	Ngủ
20 - 30 phút (Từ 14h00 -14h40)	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút (Từ 14h40 -15h40)	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút (Từ 15h40 – 17h00)	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

4. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi⁵ và Kết quả mong đợi

4.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Nhà trẻ

(1). Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
3 - 6 tháng	Sữa mẹ	500 - 550Kcal	330 - 350 Kcal

⁵ Mục C của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
(179 ngày)			
6 - 12 tháng	Sữa mẹ + Bột	600 - 700 Kcal	420 Kcal
12 - 18 tháng	Cháo + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ		
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

(2). Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

(3). Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

(4). Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

b. Mẫu giáo:

(1). Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

(2). Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

(3). Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

(4). Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

4.2. Giáo dục

2.1. ĐỘ TUỔI: 24 – 36 THÁNG

I. Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

Mục tiêu	Nội dung trọng tâm cần thực hiện
MT1: - Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 12,2 đến 14,3 (kg) Chiều cao: 87,8 đến 96,1 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 11,5 đến 13,9 (kg) Chiều cao: 86,4 đến 95,1 cm - Giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi xuống 1% so với đầu năm học, khống chế trẻ béo phì	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng WHO năm 2017. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần. Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học (tháng 9/2023 và tháng 3/2024) -Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe trẻ trên biểu đồ tăng trưởng, theo dõi trẻ thừa cân, suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi. -Có giải pháp kịp thời phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.
MT2: Trẻ được Ăn đủ bữa ăn: 2 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Ăn hai bữa chính và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất
MT3: Trẻ tránh được một số bệnh thường gặp	- Tiêm chủng: Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương - Phòng dịch - Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm - Phát hiện và xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp, ỉa chảy, sốt xuất huyết... - Tử thuốc có các thuốc thiết yếu
MT4: Trẻ biết vệ sinh cá nhân như: rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định;	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động trong ngày. + Rửa mặt

	+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
--	---------------------------------

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục:

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
		PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT5	- Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vắn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	MT6	- Trẻ biết phối hợp tay chân khi bò, trườn	- Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng - <i>Bò trong đường hẹp</i> - <i>Bò trong đường ngoằn ngoèo</i> - Bò chui qua cổng - <i>Trườn về phía trước</i> - Bò, trườn qua vật cản
	MT7	- Trẻ biết đi thẳng người.	- Đi theo hiệu lệnh; - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay.
	MT8	- Trẻ biết chạy theo hướng thẳng và đổi hướng không mất thăng bằng	- Chạy theo hiệu lệnh - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co một chân
	MT9	- Trẻ biết bật, nhún	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - <i>Bật xa bằng hai chân</i>
	MT10	- Trẻ biết tung, ném, bắt bóng	- Tung bóng bằng hai tay. - Tung bắt bóng cùng cô - Tung bóng lên cao và bắt bóng

			- Truyền bóng dưới đất - Truyền bóng qua đầu
	MT11	- Trẻ biết ném bóng bằng 1 tay và 2 tay	- Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích - Ném xa bằng một tay
	MT12	- Trẻ biết tập các cử động của bàn tay, ngón tay	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô vẽ - Lật mở trang sách
	MT13	- Trẻ biết khâu hạt	- Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây
	MT14	- Trẻ biết ghép được các mảnh hình	- Ghép ghép hình - Xếp chồng 6-8 khối
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG SỨC KHỎE			
	MT15	- Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh.
	MT16	- Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do theo ý thích; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ. - Làm quen với chế độ, nề nếp ăn cơm và ăn các loại thức ăn khác nhau. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước trước khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. - Rèn thói quen ngủ một giấc trưa.
	MT17	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định
	MT18	- Trẻ cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép.	- Tập xúc cơm, uống nước. - Mặc quần áo, đi dép, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.

	MT19	- Trẻ biết cởi tất, quần khi bị bẩn, biết cầm khăn lau miệng, lau mặt.	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Không mặc quần áo ướt, bẩn
	MT20	- Trẻ nhận biết được một số vật dụng và nơi nguy hiểm	- Trẻ kể tên được một số vật dụng, những nơi nguy hiểm không được phép sờ và đến gần. - Trẻ kể tên một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		LUYỆN TẬP VÀ PHỐI HỢP CÁC GIÁC QUAN	
	MT21	- Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu trong lớp.
	MT22	- Trẻ nghe và nhận biết được âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.	- Nghe và kể tên được âm thanh của một số đồ vật - Nghe và kể tên được âm thanh tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
	MT23	- Trẻ biết sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, Trơn (nhẵn) – xù xì	- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, Trơn (nhẵn) – xù xì
	MT24	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật	- Sờ, nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật
	MT25	- Trẻ biết nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)	- Biết nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
		NHẬN BIẾT	
	MT26	- Trẻ biết gọi tên và nói được các chức năng một số bộ phận của cơ thể con người.	- Tên gọi, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tay, chân.
	MT27	- Trẻ nhận biết được một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân
	MT28	- Trẻ nhận biết và gọi tên một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	MT29	- Trẻ biết gọi tên và nói được một số đặc điểm của phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
	MT30	- Trẻ biết gọi tên và một số đặc điểm của con vật, hoa, quả quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm của con vật, hoa, quả quen thuộc
	MT31	- Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên cô giáo và các bạn trong lớp
	MT32	- Trẻ biết tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm	- Tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm
	MT33	- Trẻ biết tên gọi và công việc của những người thân trong gia đình	- Tên gọi và công việc của những người thân trong gia đình

	MT34	- Trẻ nhận biết được 3 màu cơ bản	- Trẻ gọi tên được màu đỏ, vàng, xanh
	MT35	- Trẻ nhận biết được về hình dạng, kích thước của một số vật	- Kích thước to, nhỏ - Hình tròn, hình vuông
	MT36	- Trẻ nhận biết được vị trí không gian và số lượng một và nhiều	- Vị trí không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ - Số lượng một – nhiều
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE	
	MT37	- Trẻ biết nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên, đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc
	MT38	- Trẻ nghe và hiểu được các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?
	MT39	- Trẻ thích nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn
	MT40	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động: Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”
	MT41	- Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn, đơn giản	- Trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên các nhân vật, hành động của các nhân vật
		PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI	
	MT42	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	- Trẻ nói được các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
	MT43	- Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn và quen thuộc	- Đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn và quen thuộc
	MT44	- Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”	- Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”
	MT45	- Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài
	MT46	- Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
	MT47	- Trẻ biết sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với lớn	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với lớn: dạ, vâng, chào hỏi...
	MT48	- Trẻ biết nói to đủ nghe, nói rõ ràng, lễ phép	- Phát âm rõ tiếng - Nói to, rõ ràng

		LÀM QUEN VỚI SÁCH	
	MT49	- Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
	MT50	- Trẻ biết mở sách, xem tranh và gọi tên sự vật, các nhân vật, hành động gần gũi trong tranh	- Mở sách, xem tranh và gọi tên sự vật, các nhân vật, hành động gần gũi trong tranh
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ		PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM	
	MT51	- Trẻ nói được tên gọi và đặc điểm cơ bản bên ngoài của bản thân.	- Biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân
	MT52	- Trẻ nhận biết được một số đồ dùng đồ chơi .	- Gọi tên một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
	MT53	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	- Giao tiếp với những người xung quanh - Thích chơi với bạn
	MT54	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định
	MT55	- Trẻ biết chào hỏi, cảm ơn	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm, cảm ơn. - Chơi cạnh bạn không cầu bạn
	MT56	- Trẻ nhận biết được và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui buồn, tức giận, sợ hãi...	- Biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận...
	MT57	- Trẻ biết nhường nhịn em bé và biết chơi đoàn kết cùng với bạn	- Nhường đồ chơi cho em bé hơn - Không tranh dành đồ chơi của bạn
		PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI	
	MT58	Trẻ biết giao tiếp với mọi người xung quanh.	Biết giao tiếp , xưng hô với cô, với bạn, với người thân
	MT59	Trẻ biết chơi thân thiện với bạn bè	- Chơi cùng bạn - Chơi cùng nhóm bạn
	MT60	- Trẻ biết nghe lời người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn
	MT61	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng đồ chơi trong lớp	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong lớp.
	MT62	- Trẻ biết thể hiện sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi. - Quan tâm đến các vật nuôi
	MT63	- Trẻ biết xin lỗi, cảm ơn	- Xin lỗi khi mình có lỗi

			- Cảm ơn khi được bạn nhường nhịn, người khác giúp đỡ
	MT64	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản	- Trò chơi bé em - Khuấy bột cho em bé - Nghe điện thoại
	MT65	- Trẻ biết một số hành vi văn hóa giao tiếp.	- Trẻ gọi tên một số hành vi văn hóa giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, “ạ” “vâng”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn...
		PHÁT TRIỂN CẢM XÚC THẨM MỸ	
	MT66	- Trẻ thích hát các bài hát quen thuộc	- Hát theo cô các bài hát quen thuộc - Hát cùng cô những bài hát gần gũi, những bài hát ngắn, dễ hát
	MT67	- Trẻ biết nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ	- Nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau; Nghe âm thanh của các nhạc cụ <i>- Nghe nhạc nước ngoài</i>
	MT68	- Trẻ biết vận động đơn giản theo nhạc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc
	MT69	- Trẻ biết vẽ nguệch ngoạc bằng bút sáp, phấn	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình
	MT70	- Trẻ thích xem tranh ảnh	- Xem tranh ảnh theo chủ đề

III. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện:

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐIỀU CHỈNH
1	Bé và các bạn	- Ngày khai giảng - Tết trung thu	3 tuần Từ ngày: 09/09 - 27/09/2024	
2	Mẹ và những người thân yêu của bé	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	4 tuần Từ ngày: 30/09 – 25/10/2024	

3	Các cô bác trong trường mầm non		2 tuần Từ ngày: 28/10 – 8/11/2024	
4	Đồ chơi của bé	- Ngày hội của cô giáo 20/11	4 tuần Từ ngày: 11/11 – 06/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	- Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	4 tuần Từ ngày: 09/12 – 03/1/2025	
6	Tết Và Mùa xuân	- Nghỉ tết dương lịch 1 ngày.	4 tuần Từ ngày: 06/01 – 14/03/2025	
7	Cây và những bông hoa đẹp	- Nghỉ tết Nguyên đán ngày 07/01 đến ngày 8/02/2025 - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	4 tuần Từ ngày 17/02 – 07/03/2025	
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện Gì?	- Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch.	4 tuần Từ ngày: 17/3 – 11/04/2025	
9	Mùa hè đến rồi	- Ngày giải phóng miền Nam 30/4, quốc tế lao động 1/5	3 tuần Từ ngày 14/04 - 02/05/2025	
10	Bé lên mẫu giáo	- Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5	3 tuần Từ ngày: 05/05 - 23/5/2025	

2.2. ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

I. Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe:

Mục tiêu	Nội dung trọng tâm cần thực hiện
MT1- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo WHO - Trẻ phải được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. Theo dõi cân đo sức khỏe: Cân

+ Trẻ trai: Cân nặng: 14,3- 21,1kg Chiều cao: 96,1 - 103,3cm + Trẻ gái: Cân nặng: 13,9- 21,4kg Chiều cao: 95,1 - 102,7 cm	3 tháng 1 lần và đo chiều cao 3 tháng 1 lần. - Với trẻ suy sinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì, cân hoặc đo 1 tháng/lần - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển
MT2: Trẻ được Ăn đủ bữa ăn: 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất
MT3: Trẻ tránh được một số bệnh thường gặp	- Tiêm chủng: Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương - Phòng dịch - Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm - Phát hiện và xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp, ỉa chảy, sốt xuất huyết... - <i>Tủ thuốc có các thuốc thiết yếu</i> - Cao sao vàng, kẹp nhiệt độ, nước muối sinh lí, băng gạc,...)
MT4: Trẻ biết vệ sinh cá nhân như: rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động trong ngày. + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục.

LĨNH VỰC PT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
	MT5- Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp theo hướng dẫn	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải

		+ Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
MT6- Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi, đi thẳng người		- Đi bằng gót bàn chân - Đi bước qua vòng - Đi trong đường hẹp - Đi kiễng gót
MT7- Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi, chạy		- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt - Đi, Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.
MT8- Trẻ biết bò theo yêu cầu		- Áp dụng phương pháp trải nghiệm để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Bò theo hướng thẳng (Bò thấp) + Bò theo đường đích đặt qua 3 điểm + Bò chui qua cổng
MT9- Trẻ biết thực hiện động tác trườn, trèo		- Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đường đích đặt - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao 30cm
MT10- Trẻ biết tung và bắt bóng với cô, biết lăn bóng bằng hai tay		- Tung bắt bóng với cô. - Lăn bóng bằng 2 tay - Lăn bóng vào đích (Khoảng cách từ 1m-1,2m) - Lăn bóng qua cổng - Lăn bóng trên ván dốc
MT11- Trẻ biết đập bóng xuống sàn		- Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 2 tay - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 1 tay
MT12- Trẻ biết chuyền, bắt bóng bằng 2 tay		+ Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc + Chuyền bắt bóng theo vòng tròn
MT13- Trẻ biết ném trúng đích bằng 1 tay		- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (xả 1,5m) - Ném trúng đích thẳng đứng
MT14- Trẻ biết ném xa		- Ném xa bằng 1 tay (tối thiểu 3m)
MT15- Trẻ biết bật, nhảy bằng 2 chân		- Bật, nhảy tại chỗ - Bật về phía trước

MT16- Trẻ biết bật xa 20- 25cm	- Bật xa 20- 25cm
MT17- Trẻ biết các cử động của bàn tay, ngón tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau - Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
MT18- Trẻ biết phối hợp tay - mắt	+ Đan tết + Cài, cởi cúc + Xếp chồng các hình khối khác nhau.
MT19- Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Xé, dán giấy - Sử dụng kéo bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG	
MT20- Trẻ nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc. - Tên gọi một số món ăn quen thuộc - Nhận biết một số chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Biết ăn hết xuất để cơ thể khỏe mạnh - <i>Biết một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương</i> - Rưới sông cảm, sữa tươi đông triều...
MT21- Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày	- Trẻ kể tên các bữa ăn trong ngày - Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất
MT22 Trẻ biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật	- Biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
MT23- Trẻ biết các thao tác đánh răng, lau mặt	- Đánh răng, lau mặt nhờ sự giúp đỡ của người lớn
MT24- Trẻ biết các thao tác rửa tay bằng xà phòng	- Tập rửa tay bằng xà phòng - Tự rửa tay bằng xà phòng có sự giúp đỡ của người lớn
MT25- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Luyện đi vệ sinh đúng giờ, đúng nơi qui định
MT26- Trẻ biết một số thói quen bảo vệ và giữ gìn sức khỏe	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
MT27- Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người
MT28- Trẻ nhận biết được trang phục theo thời tiết	- Biết trang phục theo thời tiết mùa hè, mùa đông. - Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh
MT29- Trẻ biết được một số biểu hiện khi ốm	- Nhận ra một số biểu hiện khi ốm: Nóng sốt, mệt mỏi, đau đầu...

		- Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
	MT30- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	- Biết, kể tên những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng
	MT31- Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	- Biết, hiểu khi gặp một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	MT32- Trẻ biết không được theo người lạ ra khỏi trường.	+ Không được theo người lạ ra khỏi trường + Người lạ đến đón không theo + Người lạ rủ đi chơi không được đi
	MT33- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn, ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	KHÁM PHÁ KHOA HỌC	
	MT34- Trẻ nhận biết tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể	- Tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể
	MT35- Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
	MT36- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc
	MT37- Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc
	MT38- Trẻ nhận biết sự cần thiết của việc chăm sóc, tưới cây	- Bắt sâu, nhổ cỏ tưới nước cho cây, hoa - Các công đoạn để trồng được cây
	MT39- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số loại rau	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số loại rau
	MT40- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số con vật	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số con vật: Nuôi trong gia đình, con vật sống trong rừng, con vật sống dưới nước
	MT41- Trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Cho trẻ làm việc nhóm giúp trẻ tìm ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng ta
	MT42- Trẻ nhận biết về thời tiết	- Hiện tượng: Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ
	MT43- Trẻ biết nhận biết tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm	- Tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu, đông
	MT44- Trẻ nhận biết phân biệt ngày và đêm	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời
	MT45- Trẻ hiểu biết về nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày

	- Ích lợi của nước với đời sống con người
MT46- Trẻ có hiểu biết về không khí và ánh sáng	- Con người cần có ô xy để thở - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày
MT47- Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi	- Trẻ trải nghiệm để tìm ra một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN	
MT48- Trẻ đếm được trong phạm vi 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.
MT49- Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	- So sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT50- Trẻ biết được một và nhiều	- Biết một và nhiều
MT51- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.
MT52- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.
MT53- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
MT54- Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
MT55- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.
MT56- Trẻ biết xếp xen kẽ	- Xếp xen kẽ
MT57- Trẻ biết tên gọi và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	-Gọi tên và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế
MT58- Trẻ biết sử dụng các hình học để lắp ghép	- Sử dụng các hình học để lắp ghép
MT59- Trẻ nhận biết được phía trên- dưới, trước- sau, tay phải – tay trái của bản thân	- Xác định được phía trên- dưới, trước- sau, tay phải – tay trái của bản thân
KHÁM PHÁ XÃ HỘI	
MT60- Trẻ biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Kể được tên, tuổi, giới tính của bản thân
MT61- Trẻ biết được tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Kính trọng lễ phép với bố mẹ, ông bà - Gần gũi, thân thiện với anh, chị, em trong nhà
MT62- Trẻ biết được tên lớp, tên của cô giáo.	- Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi,

		trò chuyện.
	MT63- Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp	- Biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp
	MT64- Trẻ biết tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến.	- Biết tên gọi, sản phẩm và lợi ích của nghề phổ biến khi được hỏi, xem tranh.
	MT65- Trẻ biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...	- Biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh
	MT66- Trẻ biết một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	Biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE	
	MT67- Trẻ hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc
	MT68- Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Hiểu được từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...
	MT69- Trẻ hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng	- Hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Lắng nghe và hiểu được câu hỏi của người đối thoại.
	MT70- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. - Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.
	MT71- Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi..
	MT72- Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi
	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI	
	MT73- Trẻ biết phát âm các tiếng của tiếng Việt	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Nói rõ các tiếng
	MT74- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng câu đơn, câu ghép.
	MT75- Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu và hiểu biết của bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng
	MT76- Trẻ biết trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”
	MT77- Trẻ biết sử dụng: một số từ chào hỏi và từ	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Vâng, dạ, thưa...

	lễ phép phù hợp với tình huống	
	MT78- Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ..	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	MT79- Trẻ biết đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè và kể lại truyện được nghe có sự giúp đỡ	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè - Kể lại truyện được nghe có sự giúp đỡ
	MT80- Trẻ kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	- Kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
	MT81- Trẻ biết mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ và kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể lại sự việc theo gợi mở của cô giáo
	MT82- Trẻ biết đóng vai các nhân vật trong truyện quen thuộc theo sự dẫn dắt của cô	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của cô giáo - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện
	MT83- Trẻ biết sử dụng các từ “ vâng ạ”; “ Dạ”; “ Thưa”... trong giao tiếp	- Biết sử dụng các từ “ vâng ạ”; “ Dạ”; “ Thưa”... trong giao tiếp - Nói đủ nghe, không nói lí nhí. - <i>Biết sử dụng 1 số từ tiếng Anh đơn giản</i> - Như:Hello, GoodBye, Thank you...
	LÀM QUEN VỚI ĐỌC VÀ VIẾT	
	MT84- Trẻ có thể biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)
	MT85- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	- Tiếp xúc với sách truyện, chữ viết - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Đề nghị người khác đọc sách cho nghe
	MT86- Trẻ thích “đọc” theo truyện tranh đã biết	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
	MT87- Trẻ được làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt	- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT88 Trẻ có một số hành vi như người đọc sách	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
	MT89- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	- Giữ gìn, bảo vệ sách.
	MT90- Trẻ nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật	- Nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật trong tranh

	MT91- Trẻ thích vẽ ‘Viết’ nguệch ngoạc.	-Thích vẽ ‘Viết’ nguệch ngoạc.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
	MT92- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân	- Tên, tuổi, giới tính - Địa chỉ gia đình
	MT93- Trẻ biết những điều bé thích, không thích	- Sở thích của bản Thân - Khả năng của bản thân
	MT94- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
	MT95- Trẻ thích thực hiện công việc đơn giản được giao	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
	MT96- Trẻ nhận biết một số trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
	MT97- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động	- Biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động
	MT98- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Kính yêu BH
	MT99- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác - Xem tranh ảnh về Bác
	MT100- Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - <i>Trẻ biết tên một số danh lam thắng cảnh, các di tích của Đông Triều, Quảng Ninh...</i> - Di tích nhà trần, Chùa ngọc vân, hồ thiên...
	MT101- Trẻ biết một số qui định ở lớp và gia đình	- Để đồ dùng vào tủ tư Trang - Để đồ chơi đúng nơi qui định - Để dép, ca uông nước lên giá...
	MT102- Trẻ biết dùng cử chỉ đẹp, lời nói lễ phép	- Đến lớp chào cô, chào, bố ,mẹ - Biết xin khi được nhận quà - Cảm ơn khi được giúp đỡ
	MT103- Trẻ biết chờ đến lượt	- Chờ đến lượt vệ sinh - Chờ đến lượt nhận cơm - Chờ đến lượt nhận đồ dùng học tập...
	MT104- Trẻ biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.

	MT105 -Trẻ biết chơi hòa thuận với bạn	- Chơi hòa thuận với bạn - Quan tâm đến bạn - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ
	MT106 - Trẻ nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”	- Phát triển kỹ năng Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của trẻ và khả năng dự đoán nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”
	MT107 - Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi
	MT108 - Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường	- Ăn quả xong vứt vỏ vào thùng rác - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Không bẻ cành cây vặt ra sân trường
	MT109 - Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	- Trẻ thích khám phá môi trường xung quanh, biết yêu và bảo vệ thiên nhiên với các nội dung : + Không đánh các con vật nuôi trong gia đình + Yêu và bảo vệ con vật + Không ngắt hoa, bẻ cành các loại cây cảnh trong vườn + Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và tham gia chăm sóc cây + Biết bỏ rác đúng nơi quy định.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	MT110 - Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
	MT111 - Thích hát, nghe hát, nghe nhạc	- Nghe các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện. - <i>Nghe các bản nhạc nước ngoài</i> - Cuckoo cuckoo Rythm, A Ram sam sam...
	MT112 - Trẻ hào hứng hát theo cô	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên

	MT113- Trẻ biết hát kết hợp với vận động đơn giản:	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát.(Nhún nhảy, dậm chân, vỗ tay...) - Vận động theo ý thích khi hát
	MT114- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
	MT115- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
	MT116- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm - Nhận xét sản phẩm tạo hình
	MT117- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	- Vẽ các nét thẳng, nét xiên, ngang bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn - Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt, xếp chồng... - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
	MT118- Trẻ vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
	MT119- Trẻ biết tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích - Tạo ra sản phẩm theo sự sáng tạo của trẻ
	MT120- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình
	MT121- Trẻ biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.
	MT 122 : Trẻ có thể thiết kế được một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề, sự kiện .

III. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện:

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐIỀU CHỈNH
1	Trường mầm non	- Ngày khai giảng - Tết trung thu	3 tuần 09/09/2024 - 27/09/2024	
2	Bản thân	- Ngày phụ nữ Việt Nam	3 tuần 30/09/2024 - 18/10/2024	
3	Gia đình của bé		4 tuần 21/10/2024 - 15/11/2024	
4	Nghề nghiệp	- Ngày hội của cô giáo	4 tuần 18/11/2024 - 13/12/2024	
5	Thực vật	- Nghỉ tết dương lịch 1 ngày. - Ngày thành lập QĐNDVN	4 tuần 16/12/2024 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	- Nghỉ tết Nguyên đán ngày 27/01 đến ngày 08/02/2025	2 tuần 13/01/2025 - 24/01/2025	
7	Động vật	-Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	4 tuần 10/02/2025- 07/03/2025	
8	Giao thông		4 tuần 10/03/2025 - 04/04/2025	
9	Nước và các hiện tượng thiên nhiên	- Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch.	3 tuần 07/04/2025- 25/04/2025	
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	- Ngày giải phóng miền Nam 30/4, quốc tế lao động 1/5. - Ngày sinh nhật Bác	4 tuần 28/04/2025 - 23/05/2025	

2.3. ĐỘ TUỔI 4 - 5 TUỔI

I: Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe:

Mục tiêu	Nội dung trọng tâm cần thực hiện
1. Tổ chức ăn	
MT1: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.

triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé trai: + Cân nặng: 14,1 kg - 24,2 kg + Chiều cao: 100,7cm - 119,2cm - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé gái: + Cân nặng: 13,7 kg - 24,9 kg. + Chiều cao: 99,9 - 118,9cm.	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ một năm 2 lần và thường xuyên được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng. - Cân 3 tháng 1 lần và đo chiều cao 3 tháng 1 lần. (Đối với trẻ bình thường) - Theo dõi 1 lần/tháng đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng chính xác, theo dõi trẻ thừa cân, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.
MT2: Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	- Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651 Kcal. - Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần. - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định: + Yêu cầu tối thiểu: <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%; - Ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Uống nước đủ: từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
2. Tổ chức ngủ	
MT3: Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút.
3. Vệ sinh	
MT4: Trẻ biết giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.	- Trẻ được vệ sinh cá nhân trước khi ăn, sau khi ăn và sau khi đi vệ sinh: + Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ gìn nhà vệ sinh sạch sẽ + Hướng dẫn trẻ rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. + Trẻ uống nước, súc miệng sau khi ăn. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT5 Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh:	- Thường xuyên thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh phòng học, vệ sinh đồ dùng đồ chơi. - Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: Hàng tuần vệ sinh đồ chơi của trẻ ít nhất một lần. + Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng

	+ Đồ chơi luôn được vệ sinh sạch sẽ an toàn khi trẻ chơi. Tổng vệ sinh đồ chơi vào cuối tuần - Vệ sinh lớp : + Mỗi ngày lau nhà ít nhất 3 lần: trước giờ đón trẻ, sau 2 bữa ăn. + Không đi guốc, dép bẩn vào phòng trẻ. Tổng vệ sinh phòng học 1 lần/ tuần. + Vệ sinh sân trường sạch sẽ, cây ở góc thiên nhiên ... - Vệ sinh nhà vệ sinh: Đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, không hôi khai, an toàn và thoải mái khi trẻ sử dụng. Hàng ngày tổng vệ sinh trước khi ra về. - Xử lý rác thải: Rác thải thu gom, phân loại và đổ rác đúng nơi quy định. Giáo dục trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT6: Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ.	- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/ năm); - Cân đo theo định kỳ: Cân – đo 3 tháng/ lần; - Đối với trẻ suy dinh dưỡng cân đo 1 tháng/lần; - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác; - Theo dõi và đánh giá sức khỏe hàng ngày. - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
MT7: Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn.	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như: tai nạn do sắc nước; do chấn thương; do ngạt trong khi ngủ; do dị ứng thức ăn, do điện giật...

II. Mục tiêu và nội dung giáo dục:

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
	Động tác phát triển nhóm cơ hô hấp:	
	MT8: Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	- Động tác hô hấp: + Hít vào thật sâu, thở ra từ từ. + Hít vào thật sâu khi mở rộng lồng ngực bằng các động tác: 2 tay dang ngang, đưa tay ra phía trước lên cao. + Thở ra từ từ thu hẹp lồng ngực bằng động tác: Hai tay thả xuôi xuống, đưa tay ra trước bắt chéo trước ngực.

THỂ CHẤT		+ Hít vào, thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật (thổi lá cây, dải lụa, sợi len...) - Các động tác phát triển cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, phía trên đầu) + Đưa 2 tay ra phía trước – sau và vỗ vào nhau. + Đưa ra trước, gấp khủy tay + Đưa hai tay ra trước, về phía sau. + Đánh xoay tròn hai bả vai. - Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau. + Ngồi, quay người sang bên. - Các động tác phát triển cơ chân + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối. + Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối.. + Đứng một chân, nâng cao gập gối.
Các kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
	MT9: Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động đi, chạy	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (Đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 – 80m.
	MT10: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện một số vận động.	+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Bước lùi liên tiếp khoảng 3m + Trẻ biết đi thăng bằng trên các đồ dùng, dụng cụ...
	MT11: Trẻ biết kiểm soát được vận động đi, chạy	+ Biết đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).

		+ Chạy đổi hướng theo vật chuẩn hoặc hiệu lệnh. + Chạy theo đường đích dắc. + Chạy theo bóng và bắt bóng.
	MT12: Trẻ thực hiện được vận động nhanh nhẹn khéo léo khi: Bò, trườn, trèo.	+ Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 – 4m + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò đích dắc qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 5 – 6 giống thang
	MT13: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong một số vận động.	+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Đập và bắt bóng được 4 – 5 lần liên tiếp. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay
	MT14: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2m) + Bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m không chệch Ra ngoài)
	MT15: Trẻ khéo léo thực hiện được vận động bật nhảy bằng 2 chân, chạm đất và giữ được thăng bằng theo yêu cầu kĩ năng bài tập.	+ Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35 - 40cm + Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35cm) + Bật tách chân khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản 10 - 15cm + Nhảy lò cò 3m
	Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
	MT16: Trẻ thực hiện được một số vận động phối hợp tay – mắt	- Phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi + Cuộn- xoay tròn cổ tay + Gập, mở các ngón tay
	MT17: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động.	- Phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Gập giấy. + Cắt thành thạo theo đường thẳng.

		+ Lắp ghép hình + Xé, cắt đường thẳng. + Tô, vẽ hình. + Cài, cời cúc, khâu, buộc dây. + Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
Nhận biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT18: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		+ Kể tên một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm trên tháp dinh dưỡng: Thịt, cá, trứng, sữa, rau ... + Phân loại các thực phẩm quen theo các nhóm chất + Biết ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe + Trẻ nói được cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT19: Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường, nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản		+ Kể tên một số món ăn hàng ngày ở trường, ở gia đình. + Kể lại cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.
MT20: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		+ Kể tên các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đầy đủ chất và lượng + Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, và chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau. - <i>Biết một số thực phẩm, món ăn đặc sản của địa phương</i> + <i>Biết một số đặc sản của Đông Triều: rươi, Nếp cái hoa vàng, na</i>
Tập một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT21: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		+ Tự rửa tay sạch bằng xà phòng. + Rửa sạch: Tay sạch không có mùi xà phòng. + Trẻ biết tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
MT22: Trẻ biết tự phục vụ trong giờ ăn uống.		+ Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc cơm ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. + Tự biết xúc ăn buổi trưa, buổi chiều + Biết giữ gìn vệ sinh trong ăn, uống. + Biết phối hợp với các bạn kê bàn ăn...
MT23: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.		+ Biết chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. + Vuốt lại quần áo khi xô lệch.
Trẻ có một số thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		

	MT24: Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe hàng ngày	+ Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã. + Có thói quen và đội mũ bảo hiểm đúng cách khi tham gia giao thông. + Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
	MT25: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Mặc ấm khi trời lạnh; mặc quần áo thoáng mát khi trời nóng nực. + Biết ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt + Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định (Đi vệ sinh trong nhà vệ sinh) + Bỏ rác đúng nơi quy định.
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
	MT26: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người hút thuốc hút.	+ Khi hỏi về tác hại của thuốc lá trẻ biết trả lời: Hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe. + Tránh chỗ có người hút thuốc.
	MT27: Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	+ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.
	MT28: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	+ Không chơi ở những nơi nguy hiểm gần ao, hồ, suối, bể chứa nước. + Không chơi gần nơi có những bụi cây rậm, có gai...
	MT29: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê; không được tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	MT30: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	+ Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. + Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

	MT31: Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	+ Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, ngã, bị thương, bị chảy máu, cháy... thì phải kêu cứu, gọi người lớn. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc; Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	KHÁM PHÁ KHOA HỌC	
	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, một số hiện tượng tự nhiên	
	MT32: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng	+ Nhận ra sự thay đổi quá trình phát triển của cây, con vật. + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, hoa quả và các hiện tượng tự nhiên với môi trường sống.
	MT33: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng.	+ Phối hợp các giác quan như, nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. + Quan sát, nhận biết các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ .
	MT34: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	+ Làm thử nghiệm pha màu vào nước, cho đường, muối vào nước. + Quan sát, dự đoán, so sánh điều gì sẽ xảy ra khi làm các thử nghiệm đó. + Khám phá khoa học về chất lỏng hòa tan và không tan trong nước.
	MT35: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	+ Xem tranh ảnh , xem sách, nhận xét và trò chuyện. - Trẻ biết “đọc”, kể truyện theo tranh 1 đến 2 có nội dung nhất định. - Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng như đóng kịch,
	MT36: Trẻ biết khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart	+ Dự đoán một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. + So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

		+ Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp. + Khám phá ao thiên nhiên bốn mùa trong ngôi nhà khoa học của Sammy
	MT37: Trẻ biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm, khám phá thông qua ứng dụng phần mềm của trẻ mầm non	+ Trẻ biết ban ngày trời sáng có ông mặt trời, mọi người đi làm, đi học; buổi tối trên trời có nhiều sao, bầu trời tối, mọi người trong gia đình sum họp sau một ngày làm việc, học tập vất vả. + Khám phá ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy trong phần mềm Kidsmart
	MT38: Trẻ biết các nguồn nước và tác dụng của nước đối với môi trường sống.	+ Các nguồn nước trong môi trường sống + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
	MT39: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	+ So sánh sự giống và khác nhau theo 1 -2 đặc điểm của cây/ con vật/ hoa quả. + Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây, hoa, con vật
	MT40: Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	+ Làm thí nghiệm cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn. + Tìm hiểu vật nổi, vật chìm. + Tìm hiểu về nắng, gió, mưa...
	MT41: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	+ Xử lý tình huống trong quá trình học và chơi ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
	MT42: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	+ Trẻ nói được đặc điểm công dụng, chất liệu cách sử dụng các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. + So sánh sự giống và khác nhau của 2 hoặc 3 đồ dùng. + Phân loại những đồ dùng đó theo 1 – 2 dấu hiệu. + Nói được tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 – 2 dấu hiệu.
KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		

MT43: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các bộ phận của cơ thể con người.	+ Tìm hiểu tên gọi, chức năng, công dụng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể + Biết vệ sinh cơ thể sạch sẽ
MT44: Trẻ nhận biết được về bản thân	+ Họ tên, tuổi, giới tính. + Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
MT45: Trẻ có một số hiểu biết về gia đình	+ Các thành viên trong gia đình + Họ tên, công việc của bố mẹ. + Sở thích của các thành viên trong gia đình + Nhu cầu và địa chỉ gia đình.
MT46: Trẻ có hiểu biết về trường, lớp mầm non.	+ Tên, địa chỉ của trường lớp. + Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn. + Tên, công việc của các cô bác trong trường + Các hoạt động của trẻ ở trường
MT47: Trẻ biết được một số danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	+ Tìm hiểu những ngày lễ hội, sự kiện văn hóa địa phương (tết trung thu, tết nguyên đán, 1-6, 20/11, 20/10, 8/3, 22/12 ...) + Tìm hiểu một số danh lam thắng cảnh ở địa phương; thủ đô Hà Nội. + Tìm hiểu về lễ hội chùa Quỳnh Lâm, chùa Ngọa Vân, đền An Sinh
MT48: Trẻ kể được một số nghề phổ biến	+ Kể tên một số nghề phổ biến: nghề bộ đội, giáo viên, bác sĩ, xây dựng... + Công cụ và sản phẩm của một số nghề
MT49: Trẻ kể được một số nghề truyền thống của địa phương	+ Kể tên một số nghề truyền thống: Nghề nuôi hải sản; nghề đánh bắt hải sản; chế biến hải sản thành nước mắm; nghề làm gốm sứ... + Công cụ và sản phẩm của một số nghề.
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN	
Nhận biết số đếm, số lượng	
MT50: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh hỏi “ bao nhiêu” ; “ là số mấy”	+ Đếm các vật xung quanh + Đếm các đồ dùng, đồ chơi trong lớp. + Đếm số lượng bạn trong lớp. “bao nhiêu bạn” + Tự chọn số lượng tương ứng theo khả năng. + Trải nghiệm các chữ số, số lượng trong phần trò chơi kismart...
MT51: Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	+ Nhận biết được các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT52: Trẻ biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	+ Biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 5. + Đọc được các chữ số từ 1 – 5

		+ Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được. + Biết các chữ số từ 1 – 5 và ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
	MT53: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	+ So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT54: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	+ Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
	MT55: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	+ Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.
	MT56: Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số biển xe, ..)
Sắp xếp theo quy tắc		
	MT 57: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	+ Trẻ ghép được thành cặp những đối tượng có mối liên quan. + Nhận biết và gọi tên được một số quy tắc sắp xếp đơn giản với 3 đối tượng trong 1 chu kỳ. + Sắp xếp thành thạo theo mẫu hoặc theo yêu cầu của cô. + So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Trẻ biết tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý của trẻ.
	MT58: Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	+ Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. + Đo dung tích 2 vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
Hình dạng		
	MT59: Trẻ chỉ ra được các điểm giống nhau, khác nhau giữa hai hình.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	MT60: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình, hình học để tạo thành các hình mới theo ý nghĩa và theo yêu cầu.
Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.		
	MT61: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Xác định vị đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)
	MT62: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	+ Nhận biết các buổi sáng trưa, chiều tối. + Trẻ hiểu được thời gian của một ngày. + Nói được tên các buổi trong ngày theo thứ tự. (VD: Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối) + Nói được trong ngày thời gian nào đi học, thời gian nào nghỉ ngơi...

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	Phát triển khả năng nghe	
	MT63: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	+ Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày + Nghe và thực hiện theo quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (Giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe) + Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện theo chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (VD: Cất ba lô, cất giày dép...)
	MT64: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... + Hiểu các từ chỉ đặc điểm tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. + Hiểu các từ khái quát chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc và các từ biểu cảm.
	MT65: Hiểu một số từ trái nghĩa chỉ hành động, hiện tượng ...	+ Hiểu một số từ trái nghĩa hiện lành – độc ác, nóng – lạnh...
	MT66: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	+ Hiểu được những lời nói, chỉ dẫn của giáo viên. + Nghe và trao đổi, thỏa thuận với bạn khi học và chơi. + Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	MT67: Trẻ biết chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình	+ Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói, không ngắt lời, chờ đến lượt mình + Trả lời câu hỏi và đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh như dấu hiệu của sự hiểu biết. + Trẻ có thể lắng nghe người khác kể chuyện một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. Biểu lộ tình cảm: vui, buồn, sợ hãi , lo lắng...)
	MT68: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao, phù hợp với độ tuổi.	+ Nghe và cảm nhận được các vần điệu, nhịp điệu của bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi, phù hợp với chủ đề. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn ngắn đơn giản. + Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của

		giáo viên, qua các hoạt động vẽ, đóng kịch, hát, vận động, kể lại truyện...
	Phát triển khả năng nói	
	MT69: Trẻ biết nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.	+ Trẻ biết phát âm đúng và rõ ràng. + Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. + Trả lời được theo ý của câu hỏi. + Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình. + Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Phát triển ở trẻ khả năng sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày
	MT70: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất, đặc điểm	+ Biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn và câu ghép
	MT71: Trẻ biết sử dụng một số từ đơn giản bằng tiếng anh trong giao tiếp.	+ Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello, Good bye, Thank you, Sorry.... để giao tiếp với cô giáo và các bạn trong các tình huống hợp lý.
	MT72: Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	+ Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định + Kể lại truyện đã được nghe đầy đủ tình tiết, sự việc theo trình tự logic nhất định. + Kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.
	MT73: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	MT74: Trẻ biết kể chuyện sáng tạo	+ Kể truyện theo tranh, về đồ vật yêu thích,... + Kể tiếp và kết thúc truyện. + Kể theo đồ chơi... + Kể chuyện theo kinh nghiệm, đặt tên nhân vật
	MT75: Trẻ biết kể chuyện có mở đầu và kết thúc.	+ Kể lại chuyện đã được nghe + Biết kể lại sự việc có nhiều tình tiết...
	MT76: Trẻ có thể bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+ Kể lại chuyện, bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. + Nghe, sử dụng các từ biểu cảm

		+ Đóng kịch.
	MT77: Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	+ Biết sử dụng các từ trong giao tiếp (cảm ơn, xin lỗi, mời cô) + Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	MT78: Trẻ biết điều chỉnh với giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	+ Điều chỉnh được giọng nói phù hợp với hoàn cảnh. + Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	Làm quen với việc đọc- viết	
	MT78: Trẻ biết chọn sách để xem	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau + Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt + Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách. + Giữ gìn và bảo vệ sách.
	MT79: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Đọc truyện qua tranh vẽ. + Kể chuyện sáng tạo.
	MT80: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh.	+ Đọc sách theo tranh minh họa (đọc vẹt) + Trẻ xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Phân biệt được phần mở đầu, phần kết thúc của sách. Đọc chuyện qua các tranh vẽ. + Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh “ Đọc” sách theo tranh minh họa. + Biết nhặt sách dưới sàn, đặt lên giá đúng chiều.
	MT81: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)
	MT82: Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết	+ Nhận dạng một số chữ cái + Tập tô, đồ các nét chữ
	MT83: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	+ Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) + Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái
	MT84: Trẻ có hành vi giữ gìn bảo vệ sách.	+ Giữ gìn bảo vệ sách. + Để sách đúng nơi quy định. + Có thái độ tốt với sách (Buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách)
	Thể hiện ý thức về bản thân	

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI	MT85: Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	+ Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên, tuổi bố, mẹ. + Trò chuyện, đàm thoại, giới thiệu về mình, về gia đình...
	MT 86: Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể làm được.	+ Nói được sở thích, khả năng của bản thân + Tìm hiểu về sở thích, khả năng của bản thân, của bạn.
	Thể hiện sự tự tin, tự lực	
	MT87: Trẻ biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. + Tự chọn các trò chơi, vật liệu chơi, màu vẽ, giấy vẽ, sách... + Chơi các trò chơi, các tình huống để trẻ trải nghiệm khám phá về bản thân, về các bạn(cân, đo, so sánh cân nặng, chiều cao của mình, của bạn...)
	MT88: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao	+ Thực hiện được công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...)
	Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
	MT89: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ” vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ” của mình và người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ qua tiếp xúc trực tiếp giọng nói, tranh ảnh....
	MT90: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc .	+ Thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: vui buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ... qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình,...
	MT91: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	+ Trẻ nhận ra hình ảnh của Bác Hồ, lăng bác Hồ qua tranh ảnh và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.
	MT92: Trẻ biết thể hiện tình cảm của Bác Hồ qua hát, kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Nhận biết và thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua xem tranh ảnh, hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
	MT93: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước. + Biết nơi tưởng niệm Bác dừng chân khi về thăm Quảng Ninh.
	MT94: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.	+ Cách chăm sóc cây cối con vật: tham gia tưới cây, nhổ cỏ, chơi đùa với con vật gần gũi, quen thuộc, cho con vật ăn. + Thái độ, lời nói của bé khi thấy con vật bị đau, cây cối bị gãy
	Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
	MT95: Trẻ tự giác thực hiện một số công việc ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	+ Vâng lời ông bà, bố mẹ. + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ.

		+ Trật tự khi ăn, khi ngủ. + Đi bên phải lề đường. + Không bẻ cành, ngắt hoa. + Bỏ rác đúng nơi qui định.
	MT96: Trẻ biết hòa đồng với bạn bè trong nhóm.	+ Có kỹ năng hợp tác nhóm, biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi; + Hòa đồng vào hoạt động chung cùng nhóm bạn. + Chơi thân thiện với bạn. + Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật).
	MT97: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	+ Yêu mến, quan tâm giúp đỡ người thân trong gia đình. + Quan tâm, giúp đỡ bạn.
	MT98: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	+ Tuân theo trật tự, chờ đến lượt khi được nhắc nhở. + Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
	MT99: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.	+ Tập trung chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói + Chờ đến lượt, hợp tác
	MT100: Trẻ có thể thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	+ Trẻ thực hiện những việc đơn giản cùng các bạn khi được nhắc nhở. + Phối hợp với các bạn khi thực hiện nhiệm vụ, không xảy ra mâu thuẫn.
	MT102: Trẻ biết làm một số công việc đơn giản giúp người lớn.	+ Gấp quần, áo; kê bàn ghế; lấy gối, mặc áo, cài khuy, kéo khóa, chăm sóc nhà cửa, chăm sóc cây cối, chăm sóc con vật nuôi, quét nhà, nhặt rau,..
	MT103: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	+ Thực hiện các qui tắc trong sinh hoạt hàng ngày: + Chào hỏi, xưng hô, cảm ơn, xin lỗi lễ phép với người lớn
	MT104: Trẻ nhận biết được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	+ Nhận ra 3 - 4 hành vi đúng, sai đối với môi trường. + Phân biệt hành vi "đúng" - "sai"; "tốt" - "xấu".
	Quan tâm đến môi trường	

	MT105 : Trẻ thực hiện được một số hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hàng ngày: + Cát đồ chơi vào nơi qui định sau khi chơi + Bỏ rác đúng nơi qui định. + Không bẻ cành, ngắt hoa. + Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. + Không để tràn nước khi rửa tay
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT106: Trẻ có khả năng cảm nhận được vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.	+ Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống. + Lắng nghe các âm thanh trong thiên nhiên, trong cuộc sống. + Bắt chước một số âm thanh quen thuộc.
	MT107: Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	+ Nhận ra được cái đẹp. + Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp. + Vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi được nghe các âm thanh và ngắm nhìn sự vật, hiện tượng.
	MT108: Trẻ thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	+ Nhận ra được cái đẹp. + Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp + Vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi được nghe các âm thanh và ngắm nhìn sự vật, hiện tượng.
	MT109: Trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động âm nhạc.	+ Tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.
	MT110: Trẻ hào hứng tham gia vào các hoạt động tạo hình.	+ Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về các tác phẩm tạo hình.

	MT111: Trẻ cảm nhận được giai điệu (vui nhộn, êm dịu, buồn...) của bài hát hoặc bản nhạc.	+ Nghe các bài hát, bản nhạc, có tiết tấu, giai điệu, tính chất khác nhau + Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu (vui, buồn, nhanh, chậm...) + Cảm nhận được giai điệu bài hát nước ngoài
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
	MT112: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời, và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc (Tán thưởng, bắt chước âm thanh, sử dụng các từ gợi cảm...) nói lên cảm xúc của mình.
	MT113: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa minh họa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
	MT114: Trẻ biết tô màu, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ	+ Cầm bút đúng cách. + Tô màu không chòem ra ngoài nét vẽ.
	MT115 : Trẻ có khả năng cắt, xé giấy theo đường thẳng.	+ Cầm kéo đúng cách. + Cắt, xé thành thạo theo đường thẳng của giấy. + Cắt không làm rách giấy.
	MT116: Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước.	+ Bôi keo đều. + Các chi tiết không bị chồng lên nhau. + Dán hình vào đúng vị trí.
	MT117 : Trẻ biết vẽ một số hình đơn giản	+ Vẽ hình người, nhà, cây...
	MT118: Trẻ có thể sử dụng được các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.	+ Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. + Biết thể hiện xen kẽ màu, hình trong trang trí đơn giản. + Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. + Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.

		+ Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn sản phẩm có nhiều chi tiết. + Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau.
	MT119: Trẻ biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dạng/đường nét...
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
	MT120: Trẻ có khả năng sáng tạo trong hoạt động tạo hình	+ Tự chọn nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích + <i>Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề để thiết kế được một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.</i>
	MT121: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	+ Đặt tên cho sản phẩm. + Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích + Trả lời được câu hỏi làm cái gì? + Tại sao lại làm như thế?
	MT122: Trẻ biết giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn, biết đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn	+ Giữ gìn sản phẩm chung của mình và của bạn + Đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn
	MT123: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	+ Sáng tạo ra các hình thức vận động phù hợp + Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
	MT124: Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu và tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.

III. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện:

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐIỀU CHỈNH
1	Trường mầm non	- Ngày khai giảng - Tết trung thu	3 tuần 09/09/2024 - 27/09/2024	

2	Bản thân	- Ngày phụ nữ Việt Nam	3 tuần 30/09/2024 - 18/10/2024	
3	Gia đình của bé		4 tuần 21/10/2024 - 15/11/2024	
4	Nghề nghiệp	- Ngày hội của cô giáo	4 tuần 18/11/2024 - 13/12/2024	
5	Thực vật	- Nghỉ tết dương lịch 1 ngày. - Ngày thành lập QĐNDVN	4 tuần 16/12/2024 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	- Nghỉ tết Nguyên đán ngày 27/01 đến ngày 08/02/2025	2 tuần 13/01/2025 - 24/01/2025	
7	Động vật	- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	4 tuần 10/02/2025 - 07/03/2025	
8	Giao thông		4 tuần 10/03/2025 - 04/04/2025	
9	Nước và các hiện tượng thiên nhiên	- Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch.	3 tuần 07/04/2025 - 25/04/2025	
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	- Ngày giải phóng miền Nam 30/4, quốc tế lao động 1/5. - Ngày sinh nhật Bác	4 tuần 28/04/2025 - 23/05/2025	

2.4. ĐỘ TUỔI 5 - 6 TUỔI

I. Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn	
MT 1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Trẻ được Ăn đủ bữa ăn : 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Tham gia xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn. - Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều.

	- <i>Ăn uống lành mạnh, thực hiện quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống</i> - Ăn theo thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Uống đủ nước: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
Tổ chức ngủ	
MT 2: Trẻ được ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa từ 11h20 – 13h50 thời gian 150 phút. - Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ đảm bảo các điều kiện phù hợp với thời tiết và an toàn với trẻ.
Vệ sinh	
MT 3: Trẻ biết vệ sinh cá nhân như: rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động trong ngày. + Rửa mặt. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 4: Trẻ biết giữ gìn, bảo vệ và vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	

MT 5: Trẻ được chăm sóc sức khỏe và an toàn, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg + Chiều cao: Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm - Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi xuống 1% so với đầu năm học, không chế trẻ béo phì.	- Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm (tháng 09 và 03). - Cân đo cho trẻ theo qui định: cân 3 tháng 1 lần; đo 3 tháng 1 lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe trẻ trên biểu đồ tăng trưởng, theo dõi trẻ thừa cân, béo phì, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi. - Có giải pháp kịp thời phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.
MT 6: Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp/trường. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại Vitamin, tiêm chủng theo chương trình của Bộ Y tế.
MT 7: Trẻ được đảm bảo phòng tránh một số tai nạn thương tích	- Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - <i>Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác</i> - <i>Thực hiện tốt các thói quen an toàn cá nhân, chơi an toàn, chơi các trò chơi lành mạnh</i>

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Phát triển thể chất	
1.1. Phát triển vận động	
<i>Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>	
MT 8: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.,Thực hiện được các vận động: uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập mở lần lượt từng ngón tay.	- <i>Các động tác phát triển hô hấp:</i> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. (Ngửi hoa, thổi nơ, thổi bóng...) - <i>Động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp với kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực,

	đưa lên cao + ,Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập mở lần lượt từng ngón tay - <i>Động tác phát triển cơ bụng, lưng, lườn:</i> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp với tay chống hông hoặc hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp với tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - <i>Động tác phát triển cơ chân:</i> + Đưa chân ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập mở lần lượt từng ngón tay - <i>Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và có trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>
Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT 9: Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động bật.	- Bật liên tục vào vòng; Bật tách khếp chân qua 7 ô; Bật qua vật cản cao 15- 20 cm. - <i>Tôn trọng ý kiến của trẻ về đề xuất các trò chơi, sắp xếp không gian vận động...cách tính kết quả trò chơi vận động, trò chơi dân gian</i>
MT 10: Trẻ biết bật xa tối thiểu 50 cm. (CS 1)	- Bật xa 50 cm.
MT 11: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm. (CS 2)	- Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm.
MT 12: Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS 3)	- Ném và bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - <i>Mọi trẻ (trai, gái) được tạo cơ hội như nhau trong tập luyện, tham gia vào các hoạt động thể chất, vận động.</i>
MT 13: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
MT 14: Trẻ thực hiện được động tác: Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS 4)	- Trèo lên xuống 7 gióng thang; - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. - <i>Môi trường vận động an toàn</i>
MT 15: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực bài tập trườn,	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.

trèo.	
MT 16: Trẻ có thể nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (CS 9)	- Nhảy lò cò 5m. - Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
MT 17: Trẻ biết đập và bắt bóng bằng 2 tay. (CS 10)	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay. - Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
MT 18: Trẻ biết đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS 11)	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) và đầu đội túi cát. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn).
MT 19: Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m)	- Đi trên ván dốc. - Đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m)
MT 20: Trẻ giữ thăng bằng cơ thể, có khả năng kiểm soát vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.
MT 21: Trẻ có thể chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7s. (CS 12)	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 giây.
MT 22: Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. (CS 13)	- Chạy chậm khoảng 150m.
MT 23: Trẻ có thể tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (CS 14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
MT 24: Trẻ biết phối hợp tay mắt, thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện vận động bò.	- Bò qua 5, 6 điểm dích dắc cách nhau 1,5m đúng yêu cầu. - Bò theo đường dích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m - 5m.
MT 25: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung, chuyền.	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT 26: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Thực hiện hai vận động cơ bản liên tục, theo khả năng, theo yêu cầu: + Tung bóng lên cao và bắt; Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 giây. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm; Ném xa bằng 2 tay.

	+ Bò theo đường đích dắc qua 7 điểm; Ném trúng đích thẳng đứng”. + Bật tách, khép chân qua 7 ô; Ném xa bằng 1 tay. + Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m); Ném trúng đích nằm ngang”
Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ	
MT 27: Trẻ biết tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ. (CS 6)	- Tô màu không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ. - Tô, đồ theo nét.
MT 28: Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (CS 7)	- Xé, cắt rời được hình không bị rách. - Đường cắt luôn sát theo đường viền của hình vẽ.
MT 29: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. (CS 8)	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Phết hồ đều, dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. - Sản phẩm không bị rách.
MT 30: Trẻ phối hợp được bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động.	- Vẽ hình sao chép các chữ cái, chữ số. - Bê, nắn. - Lắp ráp. - Xếp chồng các khối
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe	
MT 31: Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS 19), <i>món ăn của gia đình và địa phương.</i>	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Kể được tên một số món ăn có trong bữa ăn hàng ngày phù hợp với từng mùa và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho... Cách bảo quản món ăn. - ,<i>Trình bày, giới thiệu các món ăn của gia đình/ địa phương</i>
MT 32: Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Một số loại thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống. - ,Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo. - Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...), biết các thức ăn không có lợi cho sức khỏe.

	- . <i>Thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động</i>
<i>Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
MT 33: Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS 5)	- Tự mặc quần áo đúng cách. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây giày, cài quai dép. - So hai vạt áo, ống quần không bị lệch.
MT 34: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS 15)	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh tay, chân và sau khi ăn. - Tự rửa tay sạch bằng xà phòng (Rửa tay theo đúng quy trình; Rửa sạch tay không có mùi xà phòng; Không vẩy nước ra ngoài.)
MT 35: Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày. (CS 16)	- ợi ích, thời điểm, quy trình, các kỹ năng vệ sinh cá nhân. - Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Hình thành thói quen, hành vi vệ sinh trong ăn uống và phòng chống bệnh tật: vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy)
MT 36: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (CS 18)	- Tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo. - ,Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
MT 37: Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự xúc cơm ăn gọn ang, tự xới cơm, chan canh vào bát. Biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài.
MT 38: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, biết đi xong trẻ tự giội/giặt nước cho sạch.
<i>Giữ gìn sức khoẻ và an toàn</i>	
MT 39: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS 17)	- Một số hành động văn minh, lịch sự. - Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
MT 40: Trẻ biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể. (CS 20)	- Không ăn uống những thức ăn có hại cho sức khỏe như: Các thức ăn có mùi ôi/chua/màu lạ; rau quả khi chưa được sơ chế sạch; các loại lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê. - Không uống nước lã, không ăn quà vặt ngoài đường.

MT 41: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh <i>một số dịch bệnh thường gặp.</i>	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe, <i>.thực hiện tốt thói quen an toàn cá nhân</i> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (<i>Covid- 19, Cúm A, B, đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng,...</i>), nguyên nhân và cách phòng tránh.
MT 42: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS 21)	- Phòng tránh những đồ vật nguy hiểm đến tính mạng như Bàn là, Bếp điện, Bếp lò đang đun, Phích nước nóng,.. là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; Không nghịch những vật sắc nhọn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh, mảnh gương bị vỡ, và một số đồ vật gây nguy hiểm khác.
MT 43: Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS 22)	- Không làm một số việc có thể gây nguy hiểm đối với bản thân và người xung quanh như: tự ý uống thuốc; cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc; đánh nhau; tắm sông, hồ, ao; tự ý cắm ổ điện; sờ vào đường dây điện; chơi gần khu vực bếp ga; nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó. - <i>.Không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác</i>
MT 44: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS 23)	- Nói được mối nguy hiểm khi đến gần, tránh xa những nơi nguy hiểm, không an toàn như ao, hồ, sông, suối, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, cột điện cao áp, khu vực bếp ga,... Phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải, chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT 45: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (CS 24)	- Tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - ,Khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT 46: Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (CS 25)	- Một số trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm như cháy nổ, tai nạn, ... biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. ,Hoặc trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm như có bạn rơi xuống nước, ngã chảy máu,...biết gọi người lớn giúp đỡ.

	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
MT 47 : Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (CS 26)	- Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần những người đang hút thuốc lá. - Bày tỏ thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá.	
MT 48: ,Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. - <i>.Chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh</i>	
MT 49: ,Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Trẻ thực hiện một số quy định về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	
2. Phát triển nhận thức		
2.1. Khám phá khoa học		
MT 50: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	MT 50.1: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về một số bộ phận cơ thể con người; <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart nhận biết các màu cơ bản, hình dạng, kích thước, các bộ phận trên cơ thể, mô tả các bộ phận con người</i>	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - <i>.Đặc điểm khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái. Ứng xử công bằng.</i> - <i>.Khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm</i> - <i>Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được được phép</i> - <i>,Các màu cơ bản, hình dạng, kích thước, các bộ phận cơ thể, mô tả về bộ phận con</i>

	MT 50.2: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về đặc điểm của của một số phương tiện giao thông.	<i>người.</i> - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - Hiểu được các chức năng của các phương tiện và luật lệ giao thông. - Nơi hoạt động của các phương tiện giao thông. - So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo nơi hoạt động. MT 50.3: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng; về đặc điểm, tính chất của nước, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây; về đặc điểm của không khí, ánh sáng và sự cần thiết của chúng; về đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
		- Sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm; biết mặt trời xuất hiện vào ban ngày, mặt trăng xuất hiện vào ban đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. Một số đặc điểm, tính chất của nước. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Ích lợi và bảo vệ các nguồn tài nguyên quý như: Đất, cát, đá, sỏi. - Giữ vệ sinh trong và sau khi được tiếp xúc với đất, đá, sỏi, cát

MT 51: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng. (CS 96)	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên đơn giản giữ cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT 52: Trẻ gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (CS 92)	MT 52.1. Trẻ gọi tên nhóm con vật theo đặc điểm chung; <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại, phân nhóm con vật theo đặc điểm chung (Ngôi nhà khoa học của SAMMY chuyển sang hoạt động)</i> - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật - Phân loại con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặt tên cho nhóm những con vật bằng những từ khái quát. - Gọi tên các con vật gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật
	MT 52.2. Trẻ gọi tên nhóm cây cối theo đặc điểm chung; <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại, phân nhóm cây cối theo đặc điểm chung (Ngôi nhà khoa học của SAMMY chuyển sang hoạt động)</i> - So sánh sự khác và giống nhau của một số cây, hoa, quả, rau. - Phân loại cây, hoa quả theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặt tên cho nhóm những cây/ hoa quả bằng những từ khái quát. - Gọi tên các con cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 cây/hoa quả. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, rau.
MT 53: Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS 93)	MT 53.1 Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của con vật); <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng các trò chơi về con vật (Ngôi nhà khoa học của SAMMY chuyển sang hoạt động)</i> - Quá trình phát triển của con vật, điều kiện sống của của chúng. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của con vật thể hiện trên tranh ảnh (hình ảnh). + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa

		con vật và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên. - Khám phá động vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại. - Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.
	MT 53.2: Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối). <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng các trò chơi về các loại cây</i> (Ngôi nhà khoa học của SAMMY chuyển sang hoạt động)	- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của của một số loại cây. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ hoa quả thể hiện trên tranh, ảnh + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên. - Khám phá thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại. - Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.
MT 54: Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống. (CS 94); <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart khám phá thời tiết, con vật, cảnh vật của thiên nhiên bốn mùa Xuân-hạ- Thu- Đông</i> (Ngôi nhà khoa học của SAMMY).	- Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, thứ tự các mùa. - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp. - Các yếu tố thời tiết khác nhau (TC: <i>Máy tạo thời tiết</i>). - Khám phá động vật, thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa (TC: <i>Ao thiên nhiên 4 mùa</i>).	
MT 55: Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS 95)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. - Nói được hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ)	

	lụt, hạn hán...)
MT 56: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (CS 114)	- Phát hiện ra hiện tượng và nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc. - Làm thí nghiệm, thử nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận về sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh như: vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
MT 57: Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS 112)	- Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: "Tại sao có mưa"... - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: " Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi". - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
MT 58: Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình,....	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật, phương tiện giao thông... - Biểu diễn các bài hát về cây, con vật,... - Vẽ, xé, nặn, cắt dán... các con vật, cây cối, phương tiện giao thông...
MT 59: ,Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về các sự vật, hiện tượng.
MT 60: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS 115); <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart thực hành phân loại các đối tượng cùng nhóm (Ngôi nhà khoa học của SAMMY)</i>	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm. - Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu khác nhau. - Giải thích được lí do loại bỏ đối tượng khác biệt đó. - Khám phá động vật, thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa.
2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
<i>Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</i>	
MT61: Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (CS104)	- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng.

<i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmat, bảng tương tác thông minh đếm, thêm bớt, so sánh các nhóm đối tượng.</i> - Trẻ nhận biết các chữ số bằng Tiếng Anh. Trẻ biết sử dụng máy tính như là một công cụ để sáng tạo, chơi và học. Trẻ biết các con số, cách đếm, thêm bớt (Khai thác phần mềm Kidsmat)	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. <i>Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 – 10.</i> - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ..) - So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đọc số bằng Tiếng Anh. - Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 - 10 và tô theo yêu cầu của giáo viên. - Thêm bớt trong phạm vi 10. - Nghe, xem số và số lượng tương ứng. - Nhận biết số lượng.
MT 62: Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 63: Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (CS 105)	- Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm, so sánh số lượng của các nhóm.
So sánh, sắp xếp theo quy tắc	
MT 64: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (CS 116); <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kidmart, bảng tương tác thông minh so sánh, sắp xếp theo quy tắc, sắp xếp các số theo thứ tự.</i>	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. - Nói lí do tại sao lại sắp xếp như vậy. - <i>So sánh lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng đồ vật xuất hiện tương ứng trên màn hình (Phần mềm kidmart: TC: To – nhỏ - vừa).</i>
Đo lường	
MT 65: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS 106);	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Chọn được dụng cụ làm thước đo. + Đặt thước đo liên tiếp. + Nói đúng kết quả đo.
MT 66: Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Chọn dụng cụ để đo, đong. + Múc đầy dụng cụ đo.

	+ Đổ vào đối tượng cần đo. Nói đúng kết quả đo.
Hình dạng	
MT 67: Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu. (CS 107)	- Gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ. - Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	
MT 68: Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (CS 108); <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmat xác định các phương hướng trong không gian (ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY.)</i>	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía trái - phía phải) so với bản thân trẻ, với bạn khác, so với một vật nào đó làm chuẩn. - Sắp xếp vị trí của sự vật theo yêu cầu. - <i>Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát</i> - <i>Xác định các phương hướng chính: trái, phải, trước, phía nam, bắc, đông, tây.</i> - <i>Khám phá mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới.</i>
MT 69: Trẻ gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. (CS 109)	- Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. - Nói được tên các ngày đi học và ngày nghỉ trong một tuần.
MT 70: Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS 110)	- Hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày của trẻ: đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
MT 71: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. (CS 111); <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmat xác định thời gian trong tuần (qua ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY. Chuyển sang hoạt động)</i>	- Nói được lịch, đồng hồ dùng để làm gì? - Nói được ngày, tháng trên lịch (đọc ghép số) - Nói được giờ đúng trên đồng hồ. - <i>Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ (TC: Anh em nhà đồng hồ).</i> - <i>Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát (Hộp cát biểu tượng).</i> - <i>Học về đơn vị thời gian khi di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây (TC: Đồng hồ lịch).</i>
2.3. Khám phá xã hội	
Bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 72: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện. <i>Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận của bản thân và người khác.</i>	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - <i>Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân, với người khác).</i>
MT 73: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; Sở thích của các thành viên

hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	trong gia đình; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình. - <i>Tất cả mọi người đều quan trọng có quyền đối xử một cách tôn trọng, đều được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i>
MT 74: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm), số điện thoại của bố (mẹ).
MT 75: Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn, cô giáo, trường/ lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của các bạn trong lớp, <i>cơ thể mỗi người cần được tôn trọng</i> ; các hoạt động của trẻ ở trường. - ,Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
MT 76: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS 97).	- Kể tên, địa chỉ, một số đặc điểm nổi bật của những địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống: trường học/nơi mua sắm, khám bệnh, công viên...khi được hỏi, trò chuyện.
MT 77: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh. (CS 113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, hoạt động mới). - Nhận ra và hay hỏi về những thay đổi, những cái mới ở xung quanh. - Thích thử công dụng của sự vật. - Tháo, lắp lại cấu tạo của sự vật. - Hay đặt câu hỏi "Tại sao?", "Cái gì đây?", "Để làm gì?"...
Một số nghề trong xã hội	
MT 78: Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS 98)	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”
MT 79: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. (<i>Nghề gốm sứ Đông Triều</i>)	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. (<i>Nghề gốm sứ Đông Triều</i>).
Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá	

MT 80: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội của Đông Triều.	- Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội do Trường Mầm non Bình Minh tổ chức. - Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, quê hương Đông Triều (Bình Khê - thị xã Đông Triều: Lễ hội Chùa Ngọa Vân, Chùa Hồ Thiên, Đèn Sinh,...), đất nước.
MT 81: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Đông Triều, đất nước Việt Nam.	- <i>.Bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ</i>, kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Đông Triều (chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân...của Đông Triều. Vinh Hạ Long của tỉnh Quảng Ninh...), đất nước (Hồ Girom, Văn miếu Quốc Tử Giám...).
3. Phát triển ngôn ngữ	
3.1. Phát triển khả năng nghe	
MT 82: Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (CS 61)	- Lắng nghe và nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
MT 83: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động. (CS 62)	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức; Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. Hiểu và thực hiện được những lời nói, chỉ dẫn của giáo viên gồm 2 - 3 hành động. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...) - Chú ý hiểu thông điệp, không ngắt lời người nói. - <i>.Tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp.</i>
MT 84: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. (CS 63)	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình...

	- Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác.
MT 85: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi. (CS 64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT 86: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS 74)	- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại, <i>tích cực hợp tác và phản hồi khi nghe</i> - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói.
3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 87: Trẻ biết nói rõ ràng. (CS 65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
MT 88: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. (CS 66)	- Sử dụng đúng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh, trong hoạt động hàng ngày. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - <i>Giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn</i>
MT 89: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (CS 67)	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh phù hợp với tình huống. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.
MT 90: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS 68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân. - <i>Sử dụng cách nói có/không hoặc thể hiện thái độ qua phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, thái độ, hành vi...) một cách rõ ràng nhằm bảo vệ quyền riêng tư.</i> - <i>Được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng, phát âm đặc trưng của trẻ.</i>
MT 91: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS 69)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn các bạn để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong các hoạt động. - <i>Tranh biện về quyền của chính bản thân trẻ trong việc chơi đùa và tương tác lẫn nhau.</i>

MT 92: Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được. (CS 70)	- Kể lại sự việc, hiện tượng rõ ràng, theo trình tự logic về sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - ,Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật - Khi người nghe chưa rõ trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích lại.
MT 93: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS 71)	- Tự kể được nội dung câu chuyện (trẻ đã được nghe kể), kể lại sự việc một cách rõ ràng theo trình tự nhất định.
MT 94: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (CS 72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác. - Khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau. - <i>.Mọi trẻ trai, gái đều có quyền bày tỏ ý kiến với mọi người xung quanh về mọi sự vật, sự việc.</i>
MT 95: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (CS 73)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp, <i>.nói lên ý kiến và tôn trọng ý kiến của người khác.</i> - Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.
MT 96: Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS 75)	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói. - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong.
MT 97: Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS 76)	- Chủ động dùng câu hỏi để hỏi lại khi không hiểu người khác nói. - Thể hiện qua cử chỉ, điệu bộ khi trẻ không hiểu lời nói của người khác: Nhún vai, lắc đầu, nhíu mày..
MT 98: Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS 77)	- Sử dụng các từ: Cảm ơn; xin lỗi; xin phép; thưa; dạ ; vâng... phù hợp với tình huống.
MT 99: Không nói tục, chửi bậy. (CS 78)	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục, chửi bậy trong bất cứ tình huống nào.
MT 100: Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS 85).	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh: + Nhìn tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh hoạ. + Xếp được các bức tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu chuyện. - <i>.Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.</i>

	- .Thấy được sự đa dạng và khác biệt ở hình dáng bên ngoài (cao, thấp, da đen, da trắng, tóc đen, tóc vàng, người lành lặn, người khuyết tật) - ,Chọn nhân vật và các tình tiết cho câu chuyện, nghe câu chuyện của mình.
MT 101: Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau. (CS 120)	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện nhưng không mất đi ý nghĩa của câu chuyện.
MT 102: Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch, thể hiện được hành động, giọng điệu, tính cách của các nhân vật trong truyện.
MT 103: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thuộc, đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao.
3.1. Làm quen với việc đọc, viết	
MT 104: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS 79);	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh. - Thích tham gia vào hoạt động nghe cô đọc sách, hỏi người lớn hoặc bạn bè những chữ chưa biết.
MT 105: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách. (CS 80)	- Chọn sách để “đọc” và xem. - Xem sách và thường xuyên thể hiện hứng thú khi nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, "đọc" sách tranh hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.
MT 106: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS 81)	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách. - Giở cẩn thận từng trang khi xem, không quăng quật, xé làm nhàu sách. - Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng sách.
MT 107: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS 82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra-vào, nơi nguy hiểm, cấm lửa, biển báo giao thông....) - Các nhãn hàng hóa.
MT 108: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS 83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Cầm sách đúng chiều, lật giở từng trang sách từ trái qua phải, đọc đưa mắt hoặc tay chỉ từ trái qua phải từ trên xuống dưới. ,Đọc ngắt nghỉ sau các dấu
MT 109: Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh đã biết. (CS 84)	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giở tranh khi hết nội dung truyện. - ,Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
MT 110: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời	- Chữ viết có thể đọc, có thể sử dụng chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói.

nói. (CS 86)	- Chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau.
MT 111: Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS 87)	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;
MT 112: Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (CS 88),	- Sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hằng ngày. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép được các từ, chữ cái theo trật tự.
MT 113: Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình. (CS 89);	- Tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và sản phẩm của mình. - Ghép các chữ cái thành tên mình. - Sao chép tên mình hoặc tự “viết” tên của mình theo trí nhớ không cần sự giúp đỡ.
MT 114: Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (CS 90)	- "Viết" theo thứ tự từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; - Hướng viết của các nét chữ.
MT115: Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS91) - Trẻ làm quen với Tiếng Anh thông qua nhận biết các chữ cái; Phát âm bằng Tiếng Anh. - Trẻ biết nhận dạng, cách đọc, tô màu 29 chữ cái tiếng Việt bằng cách nghe phát âm và thông qua những hình ảnh minh họa.(Khai thác phần mềm Kidsmart)	- Nhận dạng 29 chữ cái và phát âm đúng các chữ cái đó. - Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hằng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Đọc chữ cái Tiếng Anh. - Tìm chữ cái in hoa, in thường. - Phân biệt các chữ cái theo 12 nhóm chữ cái mà trẻ được học: o ô ơ, a ă â, e ê, u ư, i t c, b d đ, m n l, h k, p q, g y, s x, v r. - Nhận dạng và phát âm đúng 29 chữ cái tiếng Việt bằng cách nghe phát âm và thông qua những hình ảnh minh họa. Tô màu các chữ cái. (Qua phần mềm Kidsmart)

4. Phát triển tình cảm và kỹ năng Xã hội

Ý thức về bản thân, sự tự tin, tự lực	
MT 116: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (CS 27)	- Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên trường, tên lớp đang học. - Tên, nghề nghiệp của bố mẹ và một số thành viên trong gia đình. - Địa chỉ gia đình. - Số điện thoại của bố mẹ. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - <i>.Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác</i> - <i>.Hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác.</i>
MT 117: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (CS 28)	- Giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình: + Trẻ trai mạnh mẽ, dứt khoát. + Trẻ gái nhẹ nhàng, ý tứ. - Lựa chọn được trang phục phù hợp với giới tính. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - <i>.Trân trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i> - ,Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
MT 118: Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân. (CS 29)	- Nói việc mình có thể làm được và việc mình không làm được phù hợp với sở thích và khả năng thực tế của bản thân. <i>.Bày tỏ ý kiến về nhu cầu mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ - liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i> - Nói về điều trẻ thích, không thích đúng với biểu hiện trong thực tế.
MT 119: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân. (CS 30)	- Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi và các hoạt động theo sở thích của bản thân. <i>.Lắng nghe và bày tỏ ý kiến của bản thân trong các cuộc trao đổi- thảo luận với người khác.</i> - Cố gắng thuyết phục bạn để những đề xuất của mình được thực hiện.
MT 120: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (CS 31)	- Công việc được giao mà không lưỡng lự. - Nhanh chóng triển khai công việc, tự tin khi thực hiện. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao.
MT 121: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (CS 32)	- Phấn khởi, vui vẻ, tự hào sau khi hoàn thành công việc. - Ngắm nghía, nâng niu sản phẩm của mình.

	- Kể, khoe sản phẩm của mình với người khác. - Giữ gìn, bảo quản sản phẩm.
MT 122: Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (CS 33)	- Tự giác thực hiện công việc đơn giản hằng ngày không cần sự nhắc nhở. ,Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao - Tự chuẩn bị, cất dọn đồ dùng đồ chơi. - Tự trực nhật và thực hiện các công việc cùng nhóm bạn. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động hằng ngày.
MT 123: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (CS 34)	- Mạnh dạn, tự tin, bày tỏ ý kiến, nói lên suy nghĩ của bản thân mình. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". - ,<i>Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh.</i>
MT 124: Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình. (CS 118)	- Có cách thực hiện công việc theo cách riêng của mình. - Đạt được kết quả theo yêu cầu của công việc.
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 125: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. (CS 35)	- Các trạng thái cảm xúc (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hay qua tranh ảnh, âm nhạc.
MT 126: Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS 36)	- Thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống khi giao tiếp với ai đó hoặc ngắm nghía một vật nào đó: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ và điệu bộ.
MT 127: Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè. (CS 37)	- Tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui). - An ủi, chia sẻ người thân hoặc bạn bè khi họ buồn. - Chúc mừng, ca ngợi, cổ vũ người thân, bạn bè khi họ có niềm vui.
MT 128: Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (CS 38)	- Cảm nhận được cái đẹp. - Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía cái đẹp.
MT 129: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS 39)	- Chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây. - Chăm sóc các con vật quen thuộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm các con vật thân quen.
MT 130: Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS 40)	- Điều chỉnh và thể hiện hành vi, thái độ phù hợp với hoàn cảnh. - ,Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác

	- <i>.Thảo luận, thương lượng và giải quyết xung đột/ mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i>
MT 131: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS 41)	- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân khi xảy ra xung đột. - Kiềm chế cảm xúc tiêu cực, điều chỉnh hành vi tiêu cực với sự giúp đỡ của người lớn,
MT 132: Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi. (CS 42)	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ, thoải mái, cởi mở, <i>tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i> - <i>Quan sát và đồng cảm với hoàn cảnh của người khác. Sự quan tâm, tình yêu thương, lòng trắc ẩn, sẵn sàng giúp đỡ người khác.</i>
MT 133: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi. (CS 43)	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi được hỏi. - <i>.Mọi trẻ trai, gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau</i> - <i>.Thể hiện sự đồng cảm hòa hợp và tôn trọng người khác trong mọi tình huống giao tiếp</i>
MT 134: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên. (CS 46)	- <i>.Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau. Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác (không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân)</i> - Thường hay chơi theo nhóm bạn. <i>.Thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i> - <i>Đối xử công bằng với mọi trẻ, tôn trọng sự khác biệt.</i>
MT 135: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...)	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ. - ,Video, phim tài liệu về Bác Hồ - ,Câu chuyện về Bác Hồ
MT 136: Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ về Bác.
MT 137: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử của quê hương <i>Đông Triều như : chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân...</i> - Quan tâm đến di tích lịch sử, <i>danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh như: Vịnh Hạ Long, biển đảo....</i> ,cảnh đẹp, lễ hội của <i>địa phương</i> , quê hương, đất nước.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	

MT 138: Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. + Trật tự khi ăn, khi ngủ. + Không làm mất trật tự nơi công cộng. + Đi bên phải lề đường.
MT 139: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác. (CS 48)	- Tập trung chú ý lắng nghe người khác nói, - Không cắt ngang khi người khác đang nói. - Chấp nhận ý kiến hợp lí của người khác không trùng với ý của mình.
MT 140: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn. (CS 49)	- Trình bày ý kiến của mình để thoả thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung. - Trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. Khi trao đổi, thái độ bình tĩnh, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày.
MT 141: Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. (CS 44)	- Kể cho bạn bè, cô giáo, người thân về chuyện vui, buồn của mình. - Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn. <i>.Chấp nhận sự đa dạng và tôn trọng sự khác biệt về biểu hiện bề ngoài, cách sống và làm việc khác nhau của người khác liên quan đến giới, văn hóa.</i>
MT 142: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn. (CS 45)	- Chủ động, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự trợ giúp. <i>.Không phân biệt đối xử các bạn khác giới, các bạn có hoàn cảnh đặc biệt, đặc điểm ngoại hình khác với mình</i> - Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
MT 143: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS 47)	- Tuân theo trật tự, biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT 144: Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (CS 50)	- Chơi với bạn vui vẻ, hoà đồng. - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn trong nhóm. (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
MT 145: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS 51)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ được phân công.
MT 146: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và

cùng người khác. (CS 52)	rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn.
MT 147: Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (CS 53)	- Nói được việc làm của mình có ảnh hưởng/gây phản ứng cho người khác như thế nào? -, Tỏ thái độ với hành vi: “Đúng”- “sai”, “Tốt”- “xấu”.
MT 148: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS 54)	- Tự chào hỏi, xưng hô và sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự với người lớn. - Nói cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Nói xin lỗi khi nhận ra mình đã mắc lỗi.
MT 149: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (CS 55)	- Tìm sự hỗ trợ, giúp đỡ khi cần thiết. - Sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của người khác.
MT 150: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân. (CS 58)	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi như bạn bè và người thân.
MT 151: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình. (CS 59)	- Chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác. - Tôn trọng mọi người không chê bai giấu cột bạn bè, chơi với bạn hoà đồng, không xa lánh bạn hoặc người khuyết tật.
MT 152: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (CS 60)	- Thấy được sự không công bằng trong nhóm bạn và đưa ra cách giải quyết tạo lại sự công bằng. - Chia sẻ, nhường nhịn, có ý thức cư xử công bằng với các bạn trong nhóm chơi.
Quan tâm đến môi trường	
MT 153: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (CS 56)	- Nhận ra 3-5 hành vi đúng, sai đối với môi trường. - Ảnh hưởng tốt, xấu của hành vi đó.
MT 154: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày. (CS 57)	- Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hằng ngày: + Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học. + Giữ gìn vệ sinh trong nhà, ngoài đường, nơi công cộng. + ,Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...)

	+ Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. + Sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hằng ngày.	
5. Phát triển thẩm mỹ		
5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật		
MT 155: Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	MT 155.1: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT 155.2: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục,...) của các tác phẩm tạo hình	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
5.2 Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT 156: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (CS 99)	- Nghe và cảm nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát hoặc bản nhạc. - ,Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; - Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)	
MT 157: Trẻ hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em. (CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
MT 158: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS 101)	- . <i>Thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà trẻ yêu thích nhất</i> - Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	
MT 159: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - . <i>Sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>	
MT 160: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (CS 102).	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	
MT 161: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc,	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc,	

xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục. - <i>Bộ lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật</i> - <i>ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật.</i>
5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 162: Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát). (CS 117)	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một từ, 1 cụm từ, 1 câu) - Đặt tên cho đồ vật mà trẻ thích.
MT 163: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau. (CS 119)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 164: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS 103);	- <i>Tự do sáng tạo của trẻ khi tham gia vào hoạt động, nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, thể hiện sở thích và sáng kiến của riêng trẻ.</i> - <i>Đặt tên cho sản phẩm của mình. Sự đa dạng liên quan đến biểu hiện, sản phẩm văn hóa (Cá nhân, gia đình...)</i>

III. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện:

ST T	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	Sự kiện
1	Trường Mầm non	3 tuần Từ ngày: 05/09 - 27/09/2024	- Ngày khai giảng - Tết trung thu
2	Bản thân	3 tuần Từ ngày: 30/9 - 18/10/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	Gia đình	4 tuần Từ ngày 21/10 – 15/11/2024	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
4	Nghề nghiệp	4 tuần Từ ngày 18/11- 14/12/2024	
5	Thế giới động vật	4 tuần Từ ngày 16/12/2024 – 10/01/2025	- Ngày thành lập QĐND Việt nam 22/12 - Nghỉ tết dương lịch 1 ngày

6	Tết và mùa xuân	2 tuần Từ ngày 13/01- 24/01/2025	Ngày tết nguyên đán (Nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/01 đến ngày 8/02/2025)
7	Thế giới thực vật	3 tuần Từ ngày 10/02- 28/02/2025	
8	Phương tiện Giao thông	4 tuần Từ ngày 03/03 – 28/03/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 08-03. - Ngày thành lập đoàn TNCSHCM 26/3
9	Nước và các hiện tượng thiên nhiên	3 tuần Từ ngày 31/03 - 18/4/2025	- Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch.
10	Quê hương - đất nước - Bác Hồ	3 tuần Từ ngày 21/4 - 09/5/2025	- Ngày Giải phóng miền Nam 30/4 - Ngày Quốc tế Lao động 1/5
11	Trường tiểu học	2 tuần Từ ngày 12/5 - 23/5/2025	- Ngày sinh nhật của Bác Hồ 19/5

5. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục⁶

5.1. Các hoạt động giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

(2). Hoạt động với đồ vật

⁶ Mục E của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

(3). Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

(4). Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

(5). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sảng khoái, vui vẻ.

b. Mẫu giáo

(1). Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

(2). Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

(3). Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

(4). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

5.2. Hình thức tổ chức

a. Nhà trẻ

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

b. Mẫu giáo

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

5.3. Phương pháp giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

(3). Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

(4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

(5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.
- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.
- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

(3). Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

(4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

5.4. Tổ chức môi trường giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- + Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.
- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.
- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

6. Đánh giá sự phát triển của trẻ⁷

a. Nhà trẻ

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1). Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

(2). Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

⁷ Mục G của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

b. Mẫu giáo

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

(2) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ dựa trên chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

- Quán triệt chủ trương, định hướng phát triển chương trình của nhà trường tới toàn thể CBQL, GV, NV
- Ra quyết định thành lập tổ chuyên môn, nhóm xây dựng chương trình
- Hiệu trưởng phê duyệt chương trình giáo dục nhà trường
- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tới đội ngũ.
- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện chương trình.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên xây dựng kế hoạch soạn giáo án trên máy vi tính, đầu tư mua các tài liệu cho CBGV tham khảo
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, đánh giá, điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường cho phù hợp.

3. Đối với Tổ chuyên môn

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Phối hợp với BGH bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Sinh hoạt tổ chuyên môn vào tuần 2 và tuần 4 hàng tháng. Tuần 1, tuần 3 các khối kiến tập dự giờ đồng nghiệp, chuẩn bị nguyên vật liệu phục vụ cho mỗi chủ đề.
- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường tổ trưởng, khối trưởng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục từng chủ đề phù hợp với từng độ tuổi về yêu cầu phát triển các lĩnh vực.

4. Đối với giáo viên nhóm lớp

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, ngày linh hoạt phù hợp với nhận thức của trẻ và điều kiện của nhóm, lớp.

- Thực hiện tốt việc đánh giá trẻ và điều chỉnh kế hoạch.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động.
- Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Montessori, steam, tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường phù hợp với nhóm lớp mình phụ trách

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Đánh giá thực hiện chương trình nhằm đối chiếu kết quả cần đạt/ đạt được của chương trình với mục tiêu đã đề ra của chương trình giáo dục để điều chỉnh chương trình. (Có các phụ lục)

Sau quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ (đánh giá trẻ hằng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá trẻ cuối chủ đề) để thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục của nhà trường từ đó nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường một cách phù hợp.

Trên đây là chương trình giáo dục năm học 2024-2025 của trường Mầm non Bình Minh, yêu cầu CBQLGV xây dựng các loại kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT để (B/c);
- Các tổ CM để (T/h);
- Lưu: VT, HSCM.

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

TRẦN THỊ PHƯƠNG